

HƯỚNG DẪN CHẤM THI

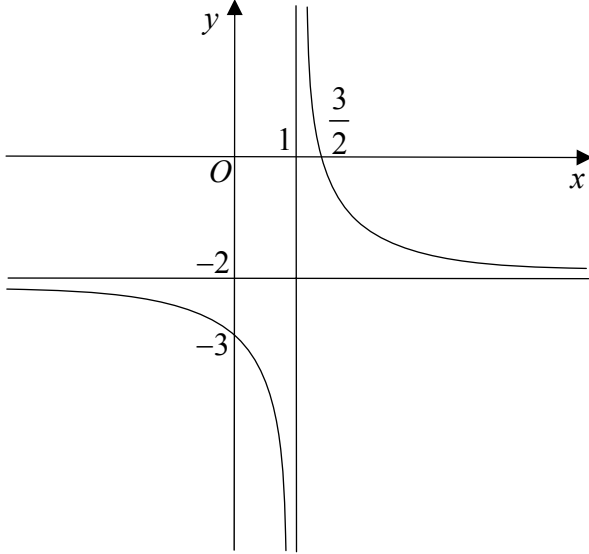
(Văn bản gồm 04 trang)

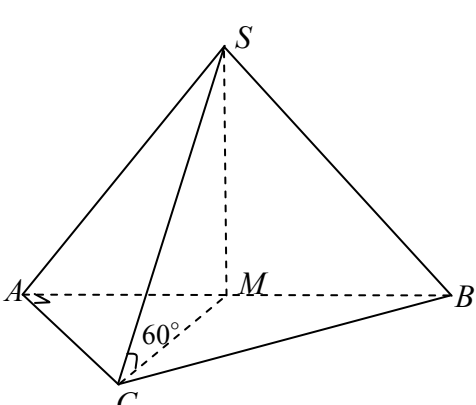
I. Hướng dẫn chung

- 1) Nếu thí sinh làm bài không theo cách nêu trong đáp án nhưng đúng thì vẫn cho đủ số điểm từng phần như hướng dẫn quy định.
- 2) Việc chi tiết hoá (nếu có) thang điểm trong hướng dẫn chấm phải đảm bảo không làm sai lệch hướng dẫn chấm.
- 3) Sau khi cộng điểm toàn bài, làm tròn đến 0,5 điểm (lẻ 0,25 làm tròn thành 0,5; lẻ 0,75 làm tròn thành 1,0 điểm).

II. Đáp án và thang điểm

| CÂU | ĐÁP ÁN | ĐIỂM | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|--|-----------|-----|-----|-----------|-----------|------|---|--|--|--|---|-----|------|--|--|--|------|------|
| Câu 1 (3,0 điểm) | 1) (2,0 điểm) | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | a) Tập xác định: $D = \mathbb{R} \setminus \{1\}$. | 0,25 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | b) Sự biến thiên: <ul style="list-style-type: none"> • Chiều biến thiên: $y' = -\frac{1}{(x-1)^2} < 0, \forall x \neq 1$. Hàm số nghịch biến trên các khoảng $(-\infty; 1)$ và $(1; +\infty)$. | 0,50 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> • Giới hạn và tiệm cận: $\lim_{x \rightarrow \pm\infty} y = -2 \Rightarrow$ đường thẳng $y = -2$ là tiệm cận ngang. | 0,25 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> • $\lim_{x \rightarrow 1^-} y = -\infty; \lim_{x \rightarrow 1^+} y = +\infty \Rightarrow$ đường thẳng $x = 1$ là tiệm cận đứng. | 0,25 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| <ul style="list-style-type: none"> • Bảng biến thiên <div style="text-align: center;"> <table style="border-collapse: collapse; margin: auto;"> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;">x</td> <td style="padding: 5px;">$-\infty$</td> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;"></td> <td style="padding: 5px;">1</td> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;"></td> <td style="padding: 5px;">$+\infty$</td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;">y'</td> <td style="text-align: center; padding: 5px;">-</td> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;"></td> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;"></td> <td style="padding: 5px;"></td> <td style="text-align: center; padding: 5px;">-</td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;">y</td> <td style="text-align: center; padding: 5px;">-2</td> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;"></td> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;"></td> <td style="padding: 5px;"></td> <td style="text-align: center; padding: 5px;">-2</td> </tr> </table> <div style="display: flex; justify-content: space-around; margin-top: 5px;"> <div style="text-align: center;"> \swarrow $-\infty$ </div> <div style="text-align: center;"> \searrow $+\infty$ </div> </div> </div> | x | $-\infty$ | | 1 | | $+\infty$ | y' | - | | | | - | y | -2 | | | | -2 | 0,25 |
| x | $-\infty$ | | 1 | | $+\infty$ | | | | | | | | | | | | | | |
| y' | - | | | | - | | | | | | | | | | | | | | |
| y | -2 | | | | -2 | | | | | | | | | | | | | | |

| | | |
|--|---|------|
| | <p>c) Đồ thị (C):</p>  | 0,50 |
| <p>2) (1,0 điểm)</p> | | |
| <p>Hoành độ giao điểm của (C) và đường thẳng $y = x - 3$ là nghiệm của phương trình $\frac{-2x+3}{x-1} = x-3$.</p> | 0,25 | |
| <p>Giải phương trình ta được nghiệm $x = 0$ và $x = 2$.</p> | 0,25 | |
| <p>Phương trình tiếp tuyến của (C) tại điểm có hoành độ bằng 0 là $y = -x - 3$.</p> | 0,25 | |
| <p>Phương trình tiếp tuyến của (C) tại điểm có hoành độ bằng 2 là $y = -x + 1$.</p> | 0,25 | |
| <p>Câu 2 (2,5 điểm)</p> | <p>1) (1,5 điểm)</p> | |
| <p>Điều kiện: $x > 0$.</p> | 0,25 | |
| <p>Với điều kiện trên, phương trình đã cho tương đương với $\log_2^2 x + 3 \log_2 x + 2 = 0$</p> | 0,25 | |
| <p>$\Leftrightarrow \begin{cases} \log_2 x = -1 \\ \log_2 x = -2. \end{cases}$</p> | 0,50 | |
| <p>$\log_2 x = -1 \Leftrightarrow x = \frac{1}{2}$ (thỏa mãn điều kiện).</p> | 0,25 | |
| <p>$\log_2 x = -2 \Leftrightarrow x = \frac{1}{4}$ (thỏa mãn điều kiện).</p> | 0,25 | |
| <p>Vậy nghiệm của phương trình là $x = \frac{1}{2}, x = \frac{1}{4}$.</p> | 0,25 | |

| | | | |
|---|---|---|------|
| 2) (1,0 điểm) | | | |
| | Tập xác định: $D = [0; 4]$. | 0,25 | |
| | Trên $(0; 4)$, ta có $f'(x) = \frac{x}{2} - 1 + \frac{x-2}{\sqrt{4x-x^2}}$. | 0,25 | |
| | $f'(x) = 0 \Leftrightarrow (x-2) \left(\frac{1}{2} + \frac{1}{\sqrt{4x-x^2}} \right) = 0 \Leftrightarrow x = 2$. | 0,25 | |
| | Ta có: $f(0) = 0, f(2) = -3, f(4) = 0$. Từ đó, giá trị lớn nhất của $f(x)$ bằng 0 và giá trị nhỏ nhất của $f(x)$ bằng -3. | 0,25 | |
| Câu 3 (1,5 điểm) | Ta có $I = \int_0^1 dx - \int_0^1 xe^x dx$. | 0,25 | |
| | Ta có: $I_1 = \int_0^1 dx = x \Big _0^1 = 1$. | 0,25 | |
| | Tính $I_2 = \int_0^1 xe^x dx$. Đặt $u = x$ và $dv = e^x dx$, ta có $du = dx$ và $v = e^x$. Do đó: | 0,25 | |
| | $I_2 = \int_0^1 xe^x dx = xe^x \Big _0^1 - \int_0^1 e^x dx = e - e^x \Big _0^1 = 1$. | 0,50 | |
| | Vậy $I = I_1 - I_2 = 0$. | 0,25 | |
| Câu 4 (1,0 điểm) |  | $SM \perp (ABC)$ | 0,25 |
| | | $\Rightarrow \widehat{SCM} = (\widehat{SC}; (\widehat{ABC})) = 60^\circ$. | |
| | | $SM = SC \cdot \sin 60^\circ = a\sqrt{15}$; | 0,25 |
| | | $MC = SC \cdot \cos 60^\circ = a\sqrt{5}$. | |
| | | Xét tam giác vuông MAC , ta có: $AC^2 + AM^2 = MC^2$ $\Rightarrow AC^2 + \left(\frac{AC}{2}\right)^2 = 5a^2$ $\Rightarrow AC = 2a$. | 0,25 |
| Suy ra $S_{\Delta ABC} = \frac{1}{2} AC^2 = 2a^2$. | | | |
| Vậy $V_{S.ABC} = \frac{1}{3} SM \cdot S_{\Delta ABC} = \frac{2a^3\sqrt{15}}{3}$. | 0,25 | | |

| | | |
|--|---|------|
| Câu 5 (2,0 điểm) | 1) (1,0 điểm) | |
| | Gọi d là đường thẳng đi qua A và vuông góc với (P) . Vectơ pháp tuyến $\vec{n} = (2; -2; 1)$ của (P) là vectơ chỉ phương của d . | 0,50 |
| | Do đó phương trình tham số của d là $\begin{cases} x = 1 + 2t \\ y = -1 - 2t \\ z = t. \end{cases}$ | 0,50 |
| | 2) (1,0 điểm) | |
| | Ta có: $M(a; b; c) \in (P) \Leftrightarrow 2a - 2b + c - 1 = 0 \Leftrightarrow c = 2b - 2a + 1$ (1) | 0,25 |
| | $AM \perp OA \Leftrightarrow a - b = 2$ (2) | |
| | Thế (2) vào (1), ta được $c = -3$. | 0,25 |
| Vì $AM = \sqrt{(a-1)^2 + (b+1)^2 + c^2} = \sqrt{(a-1)^2 + (b+1)^2 + 9}$ và $d(A, (P)) = 1$ | 0,25 | |
| nên: $AM = 3d(A, (P)) \Leftrightarrow (a-1)^2 + (b+1)^2 = 0 \Leftrightarrow a = 1, b = -1$ (thỏa mãn (2)). Vậy có duy nhất điểm M cần tìm là $M(1; -1; -3)$. | 0,25 | |

----- Hết -----